



Everpia JSC

Head office and factory:

Dương Xá, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 28032025-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Ha Noi, 28th March 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae

Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2024.
Audited separated and audited consolidated financial statements for the year 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: <https://everpia.vn/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-ct60.html>

This information was disclosed on Company on 28/03/2025, available at: <https://everpia.vn/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-ct60.html>

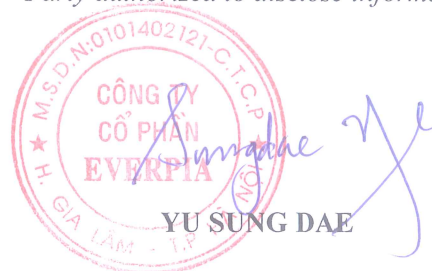
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

**Đại diện tổ chức
Organization representative**

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



Số: 03.2024/TB/BCTC

V/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm trước/Regarding explanation of profit after tax in 2024 compared to last year

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Based on the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for 2024 audited by Ernst and Young Vietnam Co., Ltd.

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình số liệu Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 về nội dung:

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Everpia Joint Stock Company would like to explain the data of the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for 2024 regarding the following contents:

Explaining the profit after corporate income tax in the business performance report changing by 10% or more compared to the same period last year

1. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ/ In Separate Financial Statements

	FY 2024	FY 2023	Chênh lệch/ Diff	Tỷ lệ / Ratio
1. Doanh thu bán hàng/ Gross revenue from goods sold	743,880,737,377	787,684,319,980	(43,803,582,603)	-6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions	(2,639,048,715)	(830,413,831)	(1,808,634,884)	218%
3. Doanh thu thuần về bán hàng/ Net revenue from goods sold	741,241,688,662	786,853,906,149	(45,612,217,487)	-6%
4. Giá vốn hàng bán /Cost of goods sold	(520,956,189,349)	(550,036,861,184)	29,080,671,835	-5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng / Gross profit from goods sold	220,285,499,313	236,817,044,965	(16,531,545,652)	-7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	19,409,014,686	42,770,100,352	(23,361,085,666)	-55%
7. Chi phí tài chính / Financial expenses	(14,572,587,821)	(20,137,299,072)	5,564,711,251	-28%
9. Chi phí bán hàng / Selling expenses	(171,103,553,445)	(158,452,976,824)	(12,650,576,621)	8%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	(86,993,944,799)	(84,172,926,450)	(2,821,018,349)	3%
11. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	(32,975,572,066)	16,823,942,971	(49,799,515,037)	-296%
12. Thu nhập khác/ Other income	1,395,215,209	7,709,837,988	(6,314,622,779)	-82%
13. Chi phí khác /Other expenses	(4,157,247,182)	(957,185,127)	(3,200,062,055)	334%
14. Lợi nhuận khác/ Profit/(Loss) from other activities	(2,762,031,973)	6,752,652,861	(9,514,684,834)	-141%
15. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kê toán trước thuế Accounting profit/(Loss) before tax	(35,737,604,039)	23,576,595,832	(59,314,199,871)	-252%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ Current corporate income tax expense		(5,654,976,192)	5,654,976,192	-100%
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred tax expense	(197,342,391)	34,649,388	(231,991,779)	-670%
18. Lợi nhuận/Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit/(Loss) after corporate income tax	(35,934,946,430)	17,956,269,028	(53,891,215,458)	-300%

Năm 2024, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều biến động trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa thực sự ổn định. Theo báo cáo của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 36,7 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2023. Sự phục hồi chủ yếu đến từ nhu cầu gia tăng tại các thị trường lớn như Mỹ và EU, khi các doanh nghiệp quốc tế bắt đầu khôi phục chuỗi cung ứng sau giai đoạn suy giảm kéo dài. Tuy nhiên, không phải tất cả mặt hàng trong ngành dệt may đều có sự tăng trưởng đồng đều. Đơn hàng từ các nhãn hàng áo jacket và thời trang ngoài trời – một trong những lĩnh vực quan trọng của ngành – chỉ đạt 5,4 tỷ USD, giảm 6,2% so với năm trước. Xu hướng tiết giảm chi phí, tái cơ cấu chuỗi cung ứng của các thương hiệu thời trang lớn, cùng với cạnh tranh từ các nhà sản xuất tại Trung Quốc, Bangladesh và Ấn Độ đã ảnh hưởng đáng kể đến ngành hàng này. Bên cạnh đó, thị trường nội địa dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn chịu tác động từ áp lực lạm phát và tâm lý thận trọng trong chi tiêu của người tiêu dùng. Các thương hiệu trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ cả doanh nghiệp nội địa lẫn các thương hiệu quốc tế. Everpia cũng không nằm ngoài sự cạnh tranh đó, doanh số năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023, giảm 6%

In 2024, Vietnam's textile and garment industry will continue to face many fluctuations in the context of an unstable global economy. According to a report by the Vietnam Textile and Apparel Association, the total export turnover of textiles and garments will reach 36.7 billion USD, up 10.5% compared to 2023. The recovery will mainly come from increased demand in major markets such as the US and EU, as international businesses begin to restore their supply chains after a prolonged period of decline. However, not all items in the textile and garment industry will experience even growth. Orders from jacket and outdoor fashion brands - one of the important sectors of the industry - will only reach 5.4 billion USD, down 6.2% compared to the previous year. The trend of cost reduction and supply chain restructuring by major fashion brands, along with competition from manufacturers in China, Bangladesh and India, has significantly affected this industry. In addition, although the domestic market has shown signs of recovery, it is still affected by inflationary pressures and cautious consumer spending. Domestic brands face increasingly fierce competition from both domestic and international brands. Everpia is no exception to that competition, with sales in 2024 falling sharply compared to 2023, down 6%.

- Ngành hàng Chăn ga gối đệm đạt xấp xỉ 560 tỷ, tăng nhẹ 3% so với năm 2023 nhờ vào sự tăng trưởng và kinh doanh ổn định của ba kênh bán Online, Xuất khẩu và Bán lẻ trong nước. Kênh bán B2B – đơn hàng khách sạn, doanh nghiệp giảm 9% so với cùng kì 2023 do nhiều dự án khách sạn tại khu vực phía Nam đang tạm ngừng thi công.

The Bedding industry reached approximately 560 billion, a slight increase of 3% compared to 2023 thanks to the stable growth and business of three sales channels: Online, Export and Domestic Retail. B2B sales channel - hotel and business orders decreased by 9% compared to the same period in 2023 due to many hotel projects in the Southern region temporarily suspending construction.

- Ngành hàng Bông tằm đạt 161 tỷ, giảm 9% so với năm 2023 với các lý do chính: i) đối mặt với cạnh tranh cao với bông giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc và những quốc gia sản xuất có chi phí sản xuất thấp như Myanmar hoặc Bangladesh; ii) sự thay đổi về chính sách thu thuế của Việt Nam đối với các công ty may mặc nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam: các công ty phải chịu thêm chi phí thuê kho bảo thuế và chi phí vận chuyển, vì vậy khách hàng đang chuyển sản xuất sang các nước khác; iii) trong nước có thêm ngày càng nhiều đơn vị gia công giá rẻ. Để bù đắp lại phần doanh số của các khách hàng truyền thống, Everpia đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới (số lượng khách hàng mới đạt 128 khách hàng, tăng 52%), tuy nhiên do các khách hàng này chỉ đặt đơn hàng theo số lượng tối thiểu, doanh thu Bông tằm vẫn chưa đạt mức kỳ vọng

The Padding industry reached 161 billion, down 9% compared to 2023 due to the following main reasons: i) facing high competition with cheap padding imported from China and low-cost manufacturing countries such as Myanmar or Bangladesh; ii) changes in Vietnam's tax collection policy for foreign garment companies based in Vietnam: companies have to pay additional costs for bonded warehouse rental and transportation costs, so customers are shifting production to other countries; iii) there are more and more low-cost processing units in the country. To compensate for the sales of traditional customers, Everpia has made efforts to find new customers (the number of new customers reached 128, an increase of 52%), however, because these customers only place orders in minimum quantities, Padding revenue has not yet reached the expected level.

- Ngành hàng Khăn chỉ đóng góp 33 tỷ doanh thu, giảm mạnh 57% so với năm 2023 do Công ty quyết định thu hẹp sản xuất ngành hàng này từ 30/09/2024 để tập trung nguồn lực cho các ngành hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao hơn

The Cleaner industry only contributed 33 billion in revenue, a sharp decrease of 57% compared to 2023 because the Company decided to narrow down production of this industry from September 30, 2024 to focus resources on industries with higher profit margins.

Về lợi nhuận, doanh thu giảm, cùng với đó, chi phí tăng đã khiến lợi nhuận sau thuế của Everpia sụt giảm mạnh, cụ thể:

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/ doanh thu ở mức 69% do ảnh hưởng của quyết định thu hẹp ngành hàng Khăn, Everpia đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho ngành hàng này.
- Chi phí bán hàng tăng nhẹ 8%, ở mức 171 tỷ năm 2024 đến từ việc công ty đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ đại lý bán hàng, triển khai rộng khắp các hoạt động marketing cho Bộ sưu tập Xuân hè và các chi phí vận hành showroom.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ 3%, ở mức 86 tỷ năm 2024 do ảnh hưởng của chi phí khấu hao vận hành nhà máy và văn phòng Giang Điền.

Revenue decreased, along with increased costs, causing Everpia's after-tax profit to decline sharply, specifically:

- The ratio of cost of goods sold/revenue is at 69% due to the impact of the decision to narrow the Cleaner industry, Everpia has made provisions for inventory price reduction for this industry.

- Selling expenses increased slightly by 8%, at 171 billion in 2024 due to the company's promotion of sales agent support activities, widespread implementation of marketing activities for the Spring-Summer Collection and showroom operating costs.

- Business management expenses increased slightly by 3%, at 86 billion in 2024 due to the impact of depreciation costs for operating the Giang Dien factory and office.

Đối với lợi nhuận từ hoạt động tài chính và các lợi nhuận khác, do giá trị tiền gửi giảm và lãi suất tiền gửi cũng giảm nên trong kỳ công ty chỉ thu về 15 tỷ lợi nhuận tài chính

Trong khi đó, Everpia đã trích lập dự phòng lỗ thanh lý tài sản cố định khoảng 3,4 tỷ cho máy móc của ngành hàng Khăn.

Regarding financial and other profits, due to the decrease in deposit value and interest rates, the company only earned 15 billion in financial profits during the period.

Meanwhile, Everpia has set aside a provision for liquidation losses of about 3.4 billion for machinery in the Cleaner industry.

Các nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận năm 2024 là -35 tỷ đồng, giảm 300% so với năm 2023

The above reasons have caused the profit in 2024 to be -35 billion VND, a decrease of 300% compared to 2023.

Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất/ *In Consolidated Financial Statements*

	FY 2024	FY 2023	Chênh lệch/ Diff	Tỷ lệ / Ratio
1. Doanh thu bán hàng/ Gross revenue from goods sold	743,880,737,377	787,684,319,980	(43,803,582,603)	-6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Deductions	(2,639,048,715)	(830,413,831)	(1,808,634,884)	218%
3. Doanh thu thuần về bán hàng/ Net revenue from goods sold	741,241,688,662	786,853,906,149	(45,612,217,487)	-6%
4. Giá vốn hàng bán /Cost of goods sold	(508,146,070,624)	(535,771,595,934)	27,625,525,310	-5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng / Gross profit from goods sold	233,095,618,038	251,082,310,215	(17,986,692,177)	-7%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	27,902,860,012	49,447,504,304	(21,544,644,292)	-44%
7. Chi phí tài chính / Financial expenses	(16,234,798,414)	(22,641,932,270)	6,407,133,856	-28%
9. Chi phí bán hàng / Selling expenses	(176,095,588,564)	(167,439,134,031)	(8,656,454,533)	5%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	(94,936,293,601)	(92,954,672,832)	(1,981,620,769)	2%
11. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	(26,268,202,529)	17,494,075,386	(43,762,277,915)	-250%
12. Thu nhập khác/ Other income	1,649,801,593	7,709,837,988	(6,060,036,395)	-79%
13. Chi phí khác /Other expenses	(4,157,247,182)	(957,185,127)	(3,200,062,055)	334%
14. Lợi nhuận khác/ Profit/(Loss) from other activities	(2,507,445,589)	6,752,652,861	(9,260,098,450)	-137%
15. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế Accounting profit/(Loss) before tax	(28,775,648,118)	24,246,728,247	(53,022,376,365)	-219%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành/ Current corporate income tax expense		(5,654,976,192)	5,654,976,192	-100%
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred tax expense	(318,210,119)	50,020,587	(368,230,706)	-736%
18. Lợi nhuận/Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit/(Loss) after corporate income tax	(29,093,858,237)	18,641,772,642	(47,735,630,879)	-256%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát / Net profit of non controlling interest	1,092,206,680	816,377,200	275,829,480	34%
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ/ Net loss to shareholder of the parent	(30,186,064,917)	17,825,395,442	(48,011,460,359)	-269%
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu/ Loss earning per share	(719)	425	(1,144)	-269%
20. Lãi/(Lỗ) pha loãng trên cổ phiếu / Loss diluted earning per share	(719)	425	(1,144)	-269%

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ: theo nội dung giải trình phía trên/ *Business performance of the parent company: according to the above explanation*
- Hoạt động của công ty con tại Hàn Quốc đạt lợi nhuận ở mức 0%, cùng với đó lợi nhuận của quỹ mở MAOF đạt 5 tỷ. / *The operation of the subsidiary in Korea achieved a profit of 0%, along with the profit of the fund MAOF reaching 5 billion.*

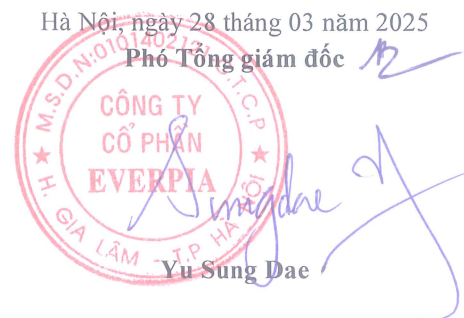
Kết quả hợp nhất của Công ty là lợi nhuận là -30 tỷ, giảm 277% so với năm 2023 / *The consolidated result of the Company is a profit of -30 billion, down 277% compared to 2023*

Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp năm 2024./ *The above is the Company's explanation on some contents related to the separate financial statements and the consolidated financial statements for 2024.*

Trân trọng kính chào!

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng giám đốc



Yu Sung Dae

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 39

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh lần lượt tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch	
Ông Lee Jae Eun	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên độc lập	
Ông Yi Seung Mok	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Hường	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có hai công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC-Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Ông Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11453398/68482221

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

M.S.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Lê Thị Thu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5606-2025-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		737.604.751.194	769.187.648.591
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.073.951.898	37.295.304.064
111	1. Tiền		17.478.777.480	35.449.650.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		595.174.418	1.845.653.465
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		293.280.369.509	220.251.937.241
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	293.280.369.509	220.251.937.241
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		153.507.914.352	181.327.623.237
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.1	155.003.878.405	167.122.003.180
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	8.630.730.843	9.806.656.928
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.551.262.593	33.145.959.626
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.677.957.489)	(28.746.996.497)
140	IV. Hàng tồn kho	9	258.581.171.422	325.207.900.646
141	1. Hàng tồn kho		312.492.643.459	357.320.746.114
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.911.472.037)	(32.112.845.468)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.161.344.013	5.104.883.403
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.164.429.740	3.171.222.115
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.996.914.273	1.933.661.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		527.178.790.733	572.336.904.227
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.843.914.629	3.092.726.629
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.843.914.629	3.092.726.629
220	II. Tài sản cố định		302.122.556.346	337.600.105.526
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	301.423.111.498	337.333.757.244
222	Nguyên giá		754.116.695.239	758.878.180.005
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(452.693.583.741)	(421.544.422.761)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	699.444.848	266.348.282
228	Nguyên giá		41.680.505.876	41.013.062.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.981.061.028)	(40.746.714.594)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.019.733.800
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.019.733.800
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	62.873.341.034	63.281.249.521
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.285.000.000	74.285.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.590.390.000	11.590.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.974.200.000	4.974.200.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.976.248.966)	(27.568.340.479)
260	V. Tài sản dài hạn khác		159.338.978.724	167.343.088.751
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	138.196.114.161	146.002.881.797
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	21.142.864.563	21.340.206.954
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.264.783.541.927	1.341.524.552.818

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

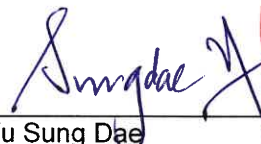
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		327.707.815.228	346.133.339.012
310	I. Nợ ngắn hạn		231.195.929.192	229.373.776.917
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	53.036.215.573	50.319.555.468
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	16.898.909.483	19.186.940.891
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.761.936.855	6.876.649.113
314	4. Phải trả người lao động		19.838.825.262	23.583.401.818
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.843.165.622	832.302.286
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.286.525.552	752.946.612
320	7. Vay ngắn hạn	17	135.530.350.845	127.821.980.729
330	II. Nợ dài hạn		96.511.886.036	116.759.562.095
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	15.694.403.809	14.442.079.868
338	2. Vay dài hạn	17	80.817.482.227	102.317.482.227
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		937.075.726.699	995.391.213.806
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	937.075.726.699	995.391.213.806
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.2	184.195.877.847	184.195.877.847
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.089.057.996	5.593.405.673
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.1	327.993.060.856	385.804.200.286
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		363.928.007.286	367.847.931.258
421b	- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(35.934.946.430)	17.956.269.028
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.264.783.541.927	1.341.524.552.818



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

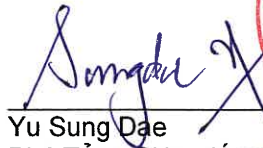
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	743.880.737.377	787.684.319.980
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(2.639.048.715)	(830.413.831)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	741.241.688.662	786.853.906.149
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(520.956.189.349)	(550.036.861.184)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		220.285.499.313	236.817.044.965
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	19.409.014.686	42.770.100.352
22	7. Chi phí tài chính	22	(14.572.587.821)	(20.137.299.072)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.715.359.755)	(13.876.831.505)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(171.103.553.445)	(158.452.976.824)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(86.993.944.799)	(84.172.926.450)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.975.572.066)	16.823.942.971
31	11. Thu nhập khác	24	1.395.215.209	7.709.837.988
32	12. Chi phí khác	24	(4.157.247.182)	(957.185.127)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	24	(2.762.031.973)	6.752.652.861
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(35.737.604.039)	23.576.595.832
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(5.654.976.192)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	(197.342.391)	34.649.388
60	17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(35.934.946.430)	17.956.269.028



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(35.737.604.039)	23.576.595.832
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		37.694.045.182	31.139.332.547
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng		28.969.774.054	(13.582.143.791)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(637.589.844)	(2.190.902.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.747.860.900)	(33.351.692.552)
06	Chi phí lãi vay	22	10.715.359.755	13.876.831.505
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.256.124.208	19.468.020.999
09	Giảm các khoản phải thu		21.660.835.399	33.768.197.181
10	Giảm hàng tồn kho		38.995.824.649	41.711.239.187
11	Giảm các khoản phải trả		(317.508.197)	(19.344.487.637)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		7.813.560.011	(8.563.514.471)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	59.629.354.831
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.787.183.422)	(13.998.920.446)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.530.278.435)	(14.055.880.895)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.395.617.449)	(693.847.464)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.695.756.764	97.920.161.285
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(2.565.003.808)	(141.327.210.278)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.430.544.445	9.306.557.357
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(332.832.369.509)	(447.947.663.269)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		259.803.937.241	530.907.808.178
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và đầu tư ngắn hạn		12.177.743.522	25.466.727.459
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(61.985.148.109)	(23.593.780.553)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		296.880.493.381	506.335.490.719
34	Tiền trả nợ gốc vay		(310.672.123.265)	(552.985.647.857)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(20.984.923.228)	(46.131.788.014)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(34.776.553.112)	(92.781.945.152)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(20.065.944.457)	(18.455.564.420)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		37.295.304.064	54.187.527.306
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		844.592.291	1.563.341.178
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	18.073.951.898	37.295.304.064

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0111033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ), và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến chần, ga và đệm, và các hoạt động khác theo giấy Chứng nhận Đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và bảy chi nhánh lần lượt tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.006 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.199 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty con), thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Phòng số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chần ga, gối và nệm.
2	Quý Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam	80%	80%	Tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư chứng khoán và quản lý đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty cũng sở hữu khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC-Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 24 tháng 3 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Khoản tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến chẵn, ga và đệm. Doanh thu và tài sản liên quan đến sản phẩm chẵn, ga và đệm chiếm hơn 90% tổng doanh thu trong năm và tổng tài sản tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	143.441.981	147.891.517
Tiền gửi ngân hàng	17.335.335.499	35.301.759.082
Các khoản tương đương tiền	595.174.418	1.845.653.465
TOTAL	18.073.951.898	37.295.304.064

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng (*)	293.280.369.509	293.280.369.509	207.251.937.241	207.251.937.241
Các khoản đầu tư khác	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
TOTAL	293.280.369.509	293.280.369.509	220.251.937.241	220.251.937.241

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 1 tháng đến 10 tháng, hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 6,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,2%/năm đến 9,5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	4.025.444.362	4.098.926.010
Công ty TNHH Essenlue	2.760.867.506	4.085.420.563
Công ty Cổ phần Du lịch Oải Hương	2.105.302.104	3.805.302.104
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	1.752.062.877	3.359.880.825
Các khách hàng khác	144.360.201.556	151.772.473.678
TỔNG CỘNG	155.003.878.405	167.122.003.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.224.964.872)	(17.294.003.880)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nuri Flex Việt Nam	4.017.600.000	-
Công ty TNHH Guoxin Infu	-	2.367.423.883
Công Ty TNHH Thương mại và Sản xuất Nội thất Hà Trang	-	1.390.583.712
Các đối tượng khác	4.613.130.843	6.048.649.333
TỔNG CỘNG	8.630.730.843	9.806.656.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	11.452.992.617
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	-	10.672.683.336
Lãi tiền gửi	5.505.434.683	8.564.971.018
Tạm ứng cho nhân viên	1.361.543.211	2.017.353.944
Phải thu ngắn hạn khác	<u>1.231.292.082</u>	<u>437.958.711</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.551.262.593</u>	<u>33.145.959.626</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>2.843.914.629</u>	<u>3.092.726.629</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.843.914.629</u>	<u>3.092.726.629</u>

8. NỢ XẤU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Các khoản phải thu khách hàng	22.632.753.448	4.407.788.576	26.477.342.223	9.183.338.343
Tài sản thiếu chờ xử lý	<u>11.452.992.617</u>	-	<u>11.452.992.617</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>34.085.746.065</u>	<u>4.407.788.576</u>	<u>37.930.334.840</u>	<u>9.183.338.343</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đang đi đường	10.906.297.305	-	5.666.521.174	-
Nguyên liệu, vật liệu	152.380.366.025	(41.088.375.439)	172.647.304.717	(19.011.394.539)
Thành phẩm	147.389.027.945	(12.823.096.598)	175.715.956.308	(13.101.450.929)
Hàng hóa	<u>1.816.952.184</u>	-	<u>3.290.963.915</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>312.492.643.459</u>	<u>(53.911.472.037)</u>	<u>357.320.746.114</u>	<u>(32.112.845.468)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	32.112.845.468	29.027.131.064
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	27.630.904.575	8.145.326.452
Trừ: Sử dụng trong năm	<u>(5.832.278.006)</u>	<u>(5.059.612.048)</u>
Số cuối năm	<u>53.911.472.037</u>	<u>32.112.845.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	355.575.951.432	322.264.009.773	44.805.271.238	16.334.776.756	19.898.170.806	758.878.180.005
- Mua trong năm	-	1.661.970.808	-	235.590.000	-	1.897.560.808
- Thanh lý, nhượng bán	-	(869.585.715)	(2.996.295.279)	(2.793.164.580)	-	(6.659.045.574)
Số cuối năm	355.575.951.432	323.056.394.866	41.808.975.959	13.777.202.176	19.898.170.806	754.116.695.239
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	26.678.392.925	209.717.397.431	11.618.179.072	11.576.436.811	14.511.938.827	274.102.345.066
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	89.096.421.431	273.238.413.848	26.312.336.475	14.785.276.455	18.111.974.552	421.544.422.761
- Khấu hao trong năm	15.991.578.743	16.400.195.293	3.358.441.388	1.052.676.943	656.806.381	37.459.698.748
- Thanh lý, nhượng bán	-	(662.189.285)	(2.855.183.903)	(2.793.164.580)	-	(6.310.537.768)
Số cuối năm	105.088.000.174	288.976.419.856	26.815.593.960	13.044.788.818	18.768.780.933	452.693.583.741
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	266.479.530.001	49.025.595.925	18.492.934.763	1.549.500.301	1.786.196.254	337.333.757.244
Số cuối năm	250.487.951.258	34.079.975.010	14.993.381.999	732.413.358	1.129.389.873	301.423.111.498

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số tài sản cố định hữu hình đã được cầm cố làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.928.284.189	686.893.687	41.013.062.876
- Mua trong năm	-	-	667.443.000	-	667.443.000
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	8.595.727.189	686.893.687	41.680.505.876
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	24.566.385.000	7.831.500.000	6.866.430.149	686.893.687	39.951.208.836
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.661.935.907	686.893.687	40.746.714.594
- Hao mòn trong năm	-	-	234.346.434	-	234.346.434
Số cuối năm	24.566.385.000	7.831.500.000	7.896.282.341	686.893.687	40.981.061.028
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	-	266.348.282	-	266.348.282
Số cuối năm	-	-	699.444.848	-	699.444.848

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 12.1)	74.285.000.000	(15.425.858.966)	74.285.000.000	(15.425.858.966)	
- Công ty Cổ phần Everpia Korea	34.285.000.000	(15.425.858.966)	34.285.000.000	(15.425.858.966)	
- Quỹ Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam (MAOF)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	
Đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	4.974.200.000	(960.000.000)	4.974.200.000	(552.091.513)	
TỔNG CỘNG	90.849.590.000	(27.976.248.966)	90.849.590.000	(27.568.340.479)	

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44%	44%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Texpia đang trong quá trình giải thể.

12.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4.014.200.000	4.014.200.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960.000.000	960.000.000
TỔNG CỘNG	4.974.200.000	4.974.200.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	2.033.018.235	1.329.222.027
Khác	1.131.411.505	1.842.000.088
TỔNG CỘNG	3.164.429.740	3.171.222.115
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	112.647.990.776	116.148.113.508
Tiền thuê mặt bằng	8.568.104.906	8.211.669.244
Nội thất sử dụng	4.442.292.839	3.938.749.652
Công cụ sản xuất dùng	7.016.501.686	7.470.557.862
Chi phí cải tạo văn phòng	4.168.848.865	7.537.998.071
Khác	1.352.375.089	2.695.793.460
TỔNG CỘNG	138.196.114.161	146.002.881.797

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	40.218.557.747	40.218.557.747	38.517.052.749	38.517.052.749
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tongxiang Huibo	5.323.928.750	5.323.928.750	2.983.616.136	2.983.616.136
- Công ty TNHH Osun	2.605.830.928	2.605.830.928	2.675.327.372	2.675.327.372
- Phải trả đối tượng khác	32.288.798.069	32.288.798.069	32.858.109.241	32.858.109.241
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	12.817.657.826	12.817.657.826	11.802.502.719	11.802.502.719
TỔNG CỘNG	53.036.215.573	53.036.215.573	50.319.555.468	50.319.555.468

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Công ty Cổ phần Công Nghệ Tổng hợp	3.402.892.800
Công ty TNHH KTD Vina	-	1.100.003.000
Công ty Cổ phần Khoáng nóng Thanh Thủy	-	2.484.512.816
Các đối tượng khác	13.496.016.683	15.602.425.075
TỔNG CỘNG	16.898.909.483	19.186.940.891

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	Thuế giá trị gia tăng	2.081.565.965	9.641.143.038	(10.172.330.584)
Thuế nhập khẩu	-	2.779.225.029	(2.779.225.029)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.530.278.435	-	(3.530.278.435)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.166.465.650	9.172.105.393	(9.295.351.800)	1.043.219.243
Các loại thuế khác	98.339.063	1.127.903.947	(1.057.903.817)	168.339.193
TỔNG CỘNG	6.876.649.113	22.720.377.407	(26.835.089.665)	2.761.936.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	201.311.392	178.522.088
Lãi vay phải trả	147.715.939	219.539.606
Phải trả ngắn hạn khác	937.498.221	354.884.918
TỔNG CỘNG	<u>1.286.525.552</u>	<u>752.946.612</u>
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	14.084.400.809	13.932.079.868
Phải trả dài hạn khác	1.610.003.000	510.000.000
TỔNG CỘNG	<u>15.694.403.809</u>	<u>14.442.079.868</u>

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	127.821.980.729	127.821.980.729	296.880.493.381	(289.172.123.265)	135.530.350.845	135.530.350.845		
	127.821.980.729	127.821.980.729	296.880.493.381	(289.172.123.265)	135.530.350.845	135.530.350.845		
Dài hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	102.317.482.227	102.317.482.227	-	(21.500.000.000)	80.817.482.227	80.817.482.227		
	102.317.482.227	102.317.482.227	-	(21.500.000.000)	80.817.482.227	80.817.482.227		
TỔNG CỘNG	230.139.462.956	230.139.462.956	296.880.493.381	(310.672.123.265)	216.347.833.072	216.347.833.072		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	111.543.643.560	179 ngày, đáo hạn vào tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng	3,7% - 4,6%	Tài sản cố định, máy móc thiết bị của nhà máy Hưng Yên và các khoản phải thu.
Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank	8.093.759.950	6 tháng, đáo hạn vào tháng 2 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng	4,175%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.892.947.335	6 tháng, đáo hạn vào tháng 6 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng	4%	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	135.530.350.845			

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	80.817.482.227	7 năm, đáo hạn lần cuối tháng 11 năm 2029. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định của Công ty hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai.
TỔNG CỘNG	80.817.482.227			

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Đơn vị tính: VND					
Năm trước						
Số đầu năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	1.708.511.408	418.558.461.001	1.024.260.580.256
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.956.269.028	17.956.269.028
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	4.578.741.729	(4.578.741.729)	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(46.131.788.014)	(46.131.788.014)
- Giảm khác	-	-	-	(693.847.464)	-	(693.847.464)
Số cuối năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	5.593.405.673	385.804.200.286	995.391.213.806
Năm nay						
Số đầu năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	5.593.405.673	385.804.200.286	995.391.213.806
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(35.934.946.430)	(35.934.946.430)
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	-	-	-	891.269.772	(891.269.772)	-
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(20.984.923.228)	(20.984.923.228)
- Giảm khác	-	-	-	(1.395.617.449)	-	(1.395.617.449)
Số cuối năm	419.797.730.000	184.195.877.847	-	5.089.057.996	327.993.060.856	937.075.726.699

(*) Theo Nghị quyết số 03/ĐHĐCĐ2024/NQ ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã được thông qua (i) chia cổ tức bằng tiền mặt ở mức 5% mệnh giá (500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; và (ii) trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2023 cho các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847
TỔNG CỘNG	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	20.984.923.228	46.131.788.014
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024: 500 VND/cổ phiếu (năm 2023: 1.100 VND/cổ phiếu)	20.984.923.228	46.131.788.014
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	278.431,90	272.068,64
- Euro (EUR)	16.449,08	184.740,10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	743.880.737.377	787.684.319.980
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>743.880.737.377</i>	<i>787.684.319.980</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán trả lại</i>	<u><i>(2.639.048.715)</i></u>	<u><i>(830.413.831)</i></u>
Doanh thu thuần	<u>741.241.688.662</u>	<u>786.853.906.149</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	15.356.224.261	25.729.131.433
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.743.190.425	6.177.292.411
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	10.307.916.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	<u>309.600.000</u>	<u>555.760.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.409.014.686</u>	<u>42.770.100.352</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán	<u>520.956.189.349</u>	<u>550.036.861.184</u>
TỔNG CỘNG	<u>520.956.189.349</u>	<u>550.036.861.184</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	10.715.359.755	13.876.831.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.424.319.580	6.235.467.567
Chi phí tài chính khác	<u>432.908.486</u>	<u>25.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>14.572.587.821</u>	<u>20.137.299.072</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	66.383.720.382	70.761.460.492
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.532.487.045	2.918.467.966
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.280.587.511	1.056.217.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.857.879.898	61.244.353.954
Chi phí khác	28.048.878.609	22.472.476.448
TỔNG CỘNG	<u>171.103.553.445</u>	<u>158.452.976.824</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	47.271.147.119	53.288.516.652
Chi phí dự phòng	613.431.509	2.660.318.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.007.196.931	16.016.949.331
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9.711.679.932	5.951.988.703
Chi phí khác	8.390.489.308	6.255.153.492
TỔNG CỘNG	<u>86.993.944.799</u>	<u>84.172.926.450</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	1.082.036.639	7.066.801.119
Các khoản thu nhập khác	313.178.570	643.036.869
Chi phí khác		
Ghi giảm tài sản không sử dụng	3.375.981.102	-
Các khoản chi phí khác	781.266.080	957.185.127
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>(2.762.031.973)</u>	<u>6.752.652.861</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	382.417.532.179	423.512.941.035
Chi phí nhân công	186.365.960.378	216.542.576.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.023.134.351	87.328.712.044
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	37.694.045.182	31.139.332.547
Chi phí khác	37.226.087.141	28.751.962.713
TỔNG CỘNG	<u>750.726.759.230</u>	<u>787.275.525.279</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	5.654.976.192
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	197.342.391	(34.649.388)
TỔNG CỘNG	197.342.391	5.620.326.804

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.737.604.039)	23.576.595.832
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(7.147.520.808)	4.715.319.166
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	4.293.281.241	1.016.159.638
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.920.000)	(111.152.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chuyển kỳ sau	3.113.501.958	-
Chi phí thuế TNDN	197.342.391	5.620.326.804

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.121.498.799	12.205.275.684	(2.083.776.885)	253.410.693
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.321.305.289	6.422.569.094	898.736.195	617.142.880
Trợ cấp thời việc phải trả	2.816.880.165	2.786.415.974	30.464.191	(164.668.747)
Các chi phí khác	1.071.788.319	325.819.111	745.969.208	(481.826.276)
	21.331.472.572	21.740.079.863	(408.607.291)	224.058.550
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	(188.608.009)	(399.872.909)	211.264.900	(189.409.162)
	(188.608.009)	(399.872.909)	211.264.900	(189.409.162)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	21.142.864.563	21.340.206.954		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			(197.342.391)	34.649.388

26.4 Lỗ tính thuế được chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024</i>
2024	2029	14.271.197.835	-	-	14.271.197.835
TỔNG CỘNG		14.271.197.835	-	-	14.271.197.835

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND) do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu thuần về bán hàng bộ phận	580.426.806.986	160.814.881.676	741.241.688.662
Giá vốn hàng bán bộ phận	(368.352.683.977)	(130.804.878.803)	(499.157.562.780)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	212.074.123.009	30.010.002.873	242.084.125.882
Chi phí không phân bổ			(277.821.729.921)
Lỗ thuần trước thuế			(35.737.604.039)
Chi phí thuế TNDN			(197.342.391)
Lỗ thuần sau thuế			(35.934.946.430)
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	113.251.537.137	23.527.376.396	136.778.913.533
Tài sản không phân bổ			1.128.004.628.394
Tổng tài sản			1.264.783.541.927
Nợ phải trả không phân bổ			327.707.815.228
Tổng nợ phải trả			327.707.815.228
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu thuần về bán hàng bộ phận	569.099.050.810	217.754.855.339	786.853.906.149
Giá vốn hàng bán bộ phận	(376.145.671.715)	(170.805.475.065)	(546.951.146.780)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	192.953.379.095	46.949.380.274	239.902.759.369
Chi phí không phân bổ			(216.326.163.537)
Lợi nhuận thuần trước thuế			23.576.595.832
Chi phí thuế TNDN			(5.620.326.804)
Lợi nhuận thuần sau thuế			17.956.269.028
Các thông tin bộ phận khác			
Tài sản bộ phận	115.300.622.904	34.527.376.396	149.827.999.300
Tài sản không phân bổ			1.191.696.553.518
Tổng tài sản			1.341.524.552.818
Nợ phải trả không phân bổ			346.133.339.012
Tổng nợ phải trả			346.133.339.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thu nhập và chi phí không phân bổ bao gồm trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

Toàn bộ công nợ, tài sản của Công ty ngoài các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con
Quý đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam	Công ty con

Thông tin về các bên liên quan là thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát và Ban điều hành được trình bày tại phần Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	64.784.865.030	78.688.893.962
		Mua dịch vụ	6.239.432.802	2.024.141.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối năm của các khoản phải trả với bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	12.817.657.826	11.802.502.719
TỔNG CỘNG			<u>12.817.657.826</u>	<u>11.802.502.719</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch HĐQT		2.748.289.114	2.643.781.770
	Phó Tổng Giám đốc			
	Chi nhánh Hồ Chí Minh			
Ông Lee Jae Eun	Thành viên HĐQT		5.809.203.999	5.544.416.003
	Tổng Giám đốc			
Ông Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT		2.778.464.304	2.651.815.208
	Phó Tổng Giám đốc			
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập		86.400.000	86.400.000
Ông Yi Seung Mok	Thành viên HĐQT độc lập		57.600.000	-
	(từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)			
Ban Kiểm soát				
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban		86.400.000	86.400.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên		86.400.000	86.400.000
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên		86.400.000	86.400.000
TỔNG CỘNG			<u>11.739.157.417</u>	<u>11.185.612.981</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động phòng trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	14.608.568.526	11.487.183.432
Từ 1 đến 5 năm	27.336.552.096	15.583.038.145
Trên 5 năm	4.894.769.379	6.397.028.760
TỔNG CỘNG	<u>46.839.890.001</u>	<u>33.467.250.337</u>

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính




Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn